TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thành

Ông Phạm Thanh Giản

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trang Thanh - Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đình Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đỗ Văn Q; nơi cư trú: Khu 4 Thủy Giang, phường Hải Thành, quận D, thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Bùi Thị T; nơi cư trú: Khu 4 Thủy Giang, phường Hải Thành, quận D, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Đỗ Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND phường Hải Thành, quận D, thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau, không hiểu

và không thông cảm cho công việc của nhau, thiếu sự tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, căng thẳng, anh và chị T đã hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là cháu Đỗ Mạnh H, sinh ngày 10-7-2019. Do con còn nhỏ đang ở với chị T nên khi ly hôn anh đề nghị giao con cho chị T nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với chị T 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn là chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận về thời gian vợ chồng kết hôn như anh Q trình bày, nhưng chị cho rằng chị và anh Q có mâu thuẫn nhưng chỉ là bất đồng về quan điểm sống, tính cách và lối sống chưa đến mức ly hôn. Chị vẫn mong muốn anh Q suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp anh Q cứ cương quyết ly hôn thì Tòa án giải quyết ly hôn đơn phương.

Tại phiên tòa, chị T cũng xác định chị và anh Q không thể hòa giải được nên đồng ý ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Đỗ Mạnh H, sinh ngày 10-7-2019. Nếu anh Q kiên quyết đòi ly hôn thì nhận nuôi con và đồng ý về việc anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ /tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại nơi cư trú, đại diện gia đình anh Q xác định: Anh Q chị T xảy ra mâu thuẫn do không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không hòa giải được, hiện nay đã sống ly thân. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đỗ Mạnh H, sinh ngày 10-7-2019, hiện cháu H đang ở cùng chị T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Q được ly hôn chị T; về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, giao con chung là cháu Đỗ Mạnh H, sinh ngày 10-7-2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh Q có nghĩa vụ đóng góp 5.000.0000đ/tháng (năm triệu đồng) chi phí nuôi con. Về tài sản chung, anh Q và chị T không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Đỗ Văn Q và chị Bùi Thị T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND phường Hải Thành, quận D, thành phố H; theo quy định tại các điều 9, 11 và điều 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Đỗ Văn Q có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D, thành phố H giải quyết ly hôn với chị Bùi Thị T cư trú tại phường Hải Thành, quận D, thành phố H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Anh Đỗ Văn Q và chị Bùi Thị T xây dựng gia đình với nhau năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, không có sự tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm; dẫn đến cãi vã, mâu thuẫn căng thẳng. Quá trình xác minh thập chứng cứ tại nơi anh Q chị T cư trú xác định: Anh Q chị T xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn giữa anh Q chị T ngày càng trầm trọng. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân anh Q đã không còn ở cùng chị T. Anh Q làm đơn xin ly hôn chị T, Tòa án đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn giữa hai bên nhưng không thành. Bản thân chị T không muốn vợ chồng ly hôn nhưng cũng không có giải pháp gì để vợ chồng hòa giải và đoàn tụ. Tại phiên tòa anh Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn với chị T, chị T cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, quan hệ hôn nhân giữa anh Q chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của anh Q xin ly hôn chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Mạnh H, sinh ngày 10-7-2019. Tại phiên tòa, anh Q và chị T tự thỏa thuận giao con chung là Đỗ Mạnh

H cho chị T nuôi. Hội đồng xét xử thấy, thỏa thuận của anh Q, chị T phù hợp với pháp luật, với thực tế và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của con chung, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa của anh Q, chị T: Anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với chị T 5.000.0000đ/tháng (năm triệu đồng) kể từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Anh Q và chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Đỗ Văn Q là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Văn Q và chị Bùi Thị T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 207 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn Q được ly hôn chị Bùi Thị T.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa của anh Q và chị T: Giao con chung Đỗ Mạnh H, sinh ngày 10-7-2019 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh Đỗ Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với chị T 5.000.0000đ/tháng (năm triệu đồng) kể từ tháng 4 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù có thể bị khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị; kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, anh Q không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Anh Q chị T không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết

4. Về án phí: Anh Đỗ Văn Q phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh Q đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0002877 ngày 08-12-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố H. Anh Đỗ Văn Q còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Văn Q và chị Bùi Thị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND quận D;
- VKSND thành phố H;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường Hải Thành (ĐKKH 22/2018);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng